

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2018/HS-PT

Ngày: 14-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Dung

Các thẩm phán: Ông Ngô Quang Dũng

Ông Bạch Đăng Thi

- Thư ký phiên tòa: Bà Thân Thị Hải Minh- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Tùng - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 14/11/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 199/TLPT-HS ngày 22/10/2018 đối với bị cáo Ngô Văn Q do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 67/2018/HS-ST ngày 10/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

Ngô Văn Q (Tên gọi khác: Không có) - sinh năm 1959 tại: Xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang; nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá 0/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn Q1 và bà Dương Thị G; vợ: Trần Thị B; con: Có 05 con, nhỏ nhất sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không có;

Nhân thân:

Bản án số 05 ngày 27/6/1990 của Tòa án nhân dân huyện H xử phạt Q 03 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản riêng của công dân”.

Bị cáo khởi tố và được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị can tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

Trong vụ án còn có người bị hại không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Ngô Văn Q - sinh năm 1959, ở Thôn C, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang và bà Đặng Thị V - sinh năm 1961, ở cùng thôn là hàng xóm với nhau. Ngoài ra bà V đang chung sống như vợ chồng với ông Ngô Văn T - sinh năm 1962, ở Thôn C, xã Đ, huyện H (là anh họ của Ngô Văn Q) được khoảng mười năm. Khi bà V về ở với ông T thì Q và mọi người trong gia đình không đồng ý, do ông T đã có vợ con. Khi về ở với ông T thì bà V làm nghề bắt cua, bắt ốc và hay đến khu vực trạm bơm nước của Thôn C để bắt cua, bắt ốc.

Trước đó, Q được Ban quản lý Thôn C giao cho trông nom trạm bơm nước của Thôn C và được đánh bắt tôm, cá ở khu vực trạm bơm. Giữa Q và bà V xảy ra nhiều mâu thuẫn, vì Q cho rằng bà V có đến khu vực trạm bơm và cắt lưới đánh cá, lấy tre của Q. Q đã nhiều lần đến nói chuyện với bà V và ông T nhưng không có kết quả. Đến khoảng 20 giờ ngày 30/6/2017 Q có đến nhà bà V và xảy ra mâu thuẫn, bà V có cầm đòn gánh đánh vào người Q. Sau đó ông T, bà V có đến nói chuyện và hứa bồi thường tiền thuốc điều trị cho Q, hai bên giải quyết tình cảm. Nhưng sau đó Q không thấy ông T và bà V bồi thường gì cho mình như đã hứa.

Khoảng 08 giờ ngày 21/7/2017, bà Đặng Thị V đang điều khiển xe mô tô chở bà Hà Thị H - sinh năm 1947 ở cùng thôn, đi chợ N thuộc xã Đ, huyện H để mua đồ. Sau khi mua đồ xong, đến khoảng 09 giờ cùng ngày, bà V chở bà H đi theo đường Tỉnh lộ 288 để về nhà. Khi đi đến địa phận thôn G, xã Đ, huyện H, thì bà V gặp Ngô Văn Q điều khiển xe mô tô đi ngược chiều. Nhìn thấy bà V, Ngô Văn Q liền nói: “Đứng lại”, bà V vẫn tiếp tục điều khiển xe mô tô đi, thấy vậy Q quay đầu xe đuổi theo, vượt lên trước đầu xe của bà V và chặn xe của bà V lại. Bị Q chặn xe thì bà V nói: “Chú làm gì tôi?” và dừng xe lại. Q đẩy xe đi bộ về phía bà V và nói: “Không đền tao tiền thuốc thì tao đánh mày”, bà V nói: “Đòi ông T”, nghe vậy Q quay lại xe mô tô của mình lấy từ giá để hàng ở giữa xe một đoạn dây cao su có chiều dài khoảng 01m, tiết diện hình chữ nhật để quay lại đánh bà V. Thấy Q cầm dây quay lại, bà V định bỏ chạy thì Q chạy tới, tay trái Q cầm vào cổ tay trái bà V kéo lại, đồng thời tay phải cầm dây đánh vào vùng mông bà V, khiến bà V ngã xuống đất. Khi bà V ngã, thì Q bỏ tay khỏi tay bà V, đứng sát phía trước ngực bà V và dùng dây cao su vút liên tiếp từ trên xuống dưới vào vùng đầu, người, tay và chân bà V. Sau khi đánh bà V, Q vứt đoạn dây cao su và tiếp tục điều khiển xe mô tô đi ăn cỗ. Bà V được mọi người đưa đến Bệnh viện đa khoa huyện H cấp cứu.

Sau khi đánh bà V khoảng 03 ngày, Q đã bỏ đi vào thành phố B1, tỉnh Đ để làm việc cùng con của Q. Trong thời gian này Cơ quan công an đã đến nhà Q nhiều lần để triệu tập Q đến làm việc, Cơ quan Công an huyện H đã gặp vợ bị cáo Q đề nghị gọi Q về. Ngày 26/3/2018 Q về nhà và đến Cơ quan điều tra Công an huyện H làm việc, Q khai nhận đã dùng một đoạn dây cao su để đánh bà V. Tuy nhiên sau khi gây án, Q đã vứt đoạn dây trên, đến nay Q không xác định được đoạn dây đó ở đâu, mặc dù bị cáo không bị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định truy nã, nhưng hành vi bỏ vào miền nam làm ăn của bị cáo Q có dấu hiệu bỏ trốn. Quá trình làm việc, Ngô Văn Q đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra một

đoạn dây cao su tương tự như đoạn dây dùng đánh bà V (là đoạn dây cao su màu đen, chiều dài 01m, tiết diện hình chữ nhật có kích thước (1,5 x 1,3)cm, thuôn nhọn về một đầu).

Tại bản tóm tắt hồ sơ bệnh án số 271/7 ngày 21/8/2017 của Bệnh viện đa khoa huyện H xác định: Bà Đặng Thị V vào viện lúc 12h00 ngày 21/7/2017, ra viện lúc 16h00 ngày 25/7/2017, chuẩn đoán: Chấn thương phần mềm, vỡ xương bàn tay trái. Hướng điều trị: Ngoại khoa, ra viện: Ổn định.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 7927/17/TgT ngày 07/9/2017 của Trung tâm Pháp y tỉnh Bắc Giang, kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với bà Đặng Thị V là 11% (Mười một phần trăm);

Vật gây thương tích: Các vết thương do vật cứng gây nên;

Dây xích xe máy gây được thương tích như thể hiện trong bệnh án của bà Đặng Thị V.

Ngày 26/4/2018 Cơ quan điều tra ra Quyết định Trung cầu giám định bổ sung số 83/QĐ, để giám định đoạn dây cao su mà Q giao nộp có gây được thương tích như thể hiện trong bệnh án của bà V không.

Ngày 03/5/2018, Trung tâm Pháp y tỉnh Bắc Giang có kết luận số 8204/18/GDPY kết luận: Đoạn dây cao su mà Q giao nộp hoặc đoạn dây có đặc điểm tương tự đoạn dây ông Q giao nộp có gây được thương tích như thể hiện trong bệnh án của bà V.

Ngày 27/3/2018, Cơ quan điều tra đã tiến hành cho Ngô Văn Q thực nghiệm lại toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội của mình. Kết quả: Q thực hiện thành thực các động tác gây thương tích cho bà V, phù hợp với lời khai của bị cáo, vật chứng và các chứng cứ khác của vụ án.

Quá trình điều tra, tại các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung và tại phiên tòa, bị cáo Ngô Văn Q đã khai nhận như sau:

Do bà V sinh sống cùng ông Ngô Văn T - là anh họ bị cáo, vì vậy trong cuộc sống giữa bà Đặng Thị V và bị cáo thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn trong làm ăn. Trước khi bị cáo gây thương tích cho bà V, bà V đã một lần đánh bị cáo, ông T là chồng có đến nói chuyện với bị cáo và hứa cùng bà V bồi thường cho bị cáo. Do bà V không xin lỗi bị cáo và không bồi thường, nên bị cáo rất bức xúc. Khoảng 09 giờ ngày 21/7/2017, bị cáo điều khiển xe mô tô đi một mình lên xã Hoàng Vân, huyện H để ăn cỗ. Khi đến khu vực cánh đồng thôn G, xã Đoan Bá, bị cáo gặp bà Đặng Thị V điều khiển xe mô tô, đằng sau là bà Hà thị H là người cùng thôn với bị cáo, đi từ hướng thị trấn Thắng về Phố Lũ, xã Đ, thấy vậy bị cáo có nói về phía bà V “Đứng lại” nhưng bà V không đỗ xe lại mà tiếp tục đi, bị cáo điều khiển xe quay lại đuổi theo bà V, bị cáo điều khiển xe mô tô của bị cáo vượt lên trước xe mô tô của bà V và chắn ngang đầu xe. Bà V dừng xe lại, bị cáo xuống xe đi bộ về phía bà V, bị cáo nói với bà V “Không đền Tao tiền thuốc, thì Tao đánh mày, bà V bảo “Đòi ông T”, bà V nói vậy, bị cáo bức tức và quay lại xe mô tô của bị cáo, bị cáo lấy ở giá để hàng một đoạn dây cao su dài khoảng 01 mét, tiết diện vuông, tiến về phía bà V, bà V quay đầu định bỏ chạy, thì bị cáo tóm tay trái của bà V kéo lại, đồng

thời bị cáo dùng tay phải cầm dây cao xu đánh vào vùng mông của bà V, làm bà V ngã nghiêng xuống đất, sau đó bị cáo bỏ tay bà V và đứng trước người bà V rồi tiếp tục vụt mấy cái nữa vào người bà V, bị cáo không biết đánh vào người bà V ở chỗ nào. Đánh xong bị cáo quay lại xe của bị cáo và vụt đoạn dây cao xu đi. Sau đó bị cáo tiếp tục quay xe đi ăn cỗ. Lúc đó bà V vẫn nằm ở dưới đất, bị cáo xác định thương tích của bà V là do một mình bị cáo gây nên. Sau khi gây thương tích cho bà V khoảng 03 ngày, thì bị cáo vào xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đ làm ăn cùng con của bị cáo ở trong đó. Bị cáo biết cơ quan Công an đến nhà mời bị cáo đến Công an huyện làm việc, nhưng bị cáo không về. Một thời gian sau thì bị cáo trở về nhà được Cơ quan Công an triệu tập lên làm việc. Trong thời gian chuẩn bị xét xử, bị cáo đã nộp số tiền 3.400.000đồng (Ba triệu, bốn trăm nghìn đồng), tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H để bồi thường, khắc phục hậu quả về thương tích cho bà V.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bà Đặng Thị V trình bày: Bà bị Q đánh và gây thương tích như Q đã khai ở trên, nhưng Bà cho rằng, Q dùng đoạn dây xích xe máy đánh Bà, khi Bà đau quá ngã lăn ra đường thì Q dùng chân, tay không tóm tóc đánh tiếp Bà; Bà phải đi điều trị tại Bệnh viện đa khoa huyện H từ ngày 21/7/2017 đến ngày 25/7/2017 thì ra viện. Bà yêu cầu bị cáo Q bồi thường thương tích cho Bà: Tiền thuốc mua ngoài 140.000đồng, tiền mất thu nhập 04 ngày nằm viện là 400.000đồng; Tiền mất thu nhập trong khoảng thời gian nghỉ ở nhà để hồi phục vết thương là 3.000.000đồng; Tiền mất thu nhập của người nuôi Bà trong 04 ngày nằm viện là 400.000đồng. Tổng số tiền bà V yêu cầu bị cáo Q bồi thường là 3.940.000đồng (Ba triệu, chín trăm nghìn đồng), không bao gồm tiền viện phí trong thời gian Bà nằm điều trị thương tích ở bệnh viện, do Bảo hiểm đã thanh toán. Tại phiên tòa Bà V yêu cầu bị cáo Q bồi thường tổng số tiền là 5.000.000đồng (Năm triệu đồng).

Lời khai của người làm chứng (Của bà H) tại các biên bản ghi lời khai như sau: Về thời gian và địa điểm như bị cáo và bị hại đã trình bày; Ngày 21/7/2017 Bà được bà V đèo sau xe mô tô đi chợ N về, khi đến nhà máy gạch gần thôn G thì gặp bị cáo Q đi ngược chiều, khi gặp Bà và bà V, thì bị cáo Q quay đầu xe lại và chặn xe mô tô của bà V. Bị cáo Q nói “Con này dùng xe máy lại”, khi đó trên đường chỉ có Bà và bà V cùng bị cáo Q, thấy vậy bà V có nói “Chú làm gì Tôi”, bị cáo Q không nói gì và chống chân chống xe máy, rồi mở cốp xe lấy 01 dây xích màu đen và tiến lại gần bà V. Bà sợ quá lùi lại sau lưng bà V, bị cáo Q dùng dây xích xe đánh liên tiếp vào người bà V, khi bà V bị ngã xuống đường, thì bị cáo Q có tiến lại tóm tóc bà V, rồi đâm vào mặt bà V, sau đó bà V bị ngất, bị cáo Q cầm dây xích cắt vào cốp xe máy và lên xe bỏ chạy. Quá trình điều tra bà H không đưa ra khẳng định về vật chứng và từ chối đối chất với bị cáo Q để làm rõ vật chứng mà Q đã sử dụng đánh bà V.

Về vật chứng: Do vật chứng của vụ án không thu thập được, bị cáo giao nộp một đoạn dây cao xu, theo bị cáo là tương tự vật chứng mà bị cáo đã sử dụng gây thương tích cho bà V. Qua giám định pháp y đã kết luận vật chứng mà bị cáo giao nộp, tương tự vật chứng mà bị cáo đã sử dụng có thể gây nên thương tích của bà V.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bà Đặng Thị V đề nghị bị cáo Q bồi thường tổng số tiền là 5.000.000 đồng, gồm: Tiền mất thu nhập trong thời gian nằm điều trị tại bệnh viện và nghỉ ngơi hồi phục sức khỏe, mất thu nhập của người nuôi, tiền mua thuốc ngoài để điều trị vết thương.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm: Kiểm sát viên; Bị cáo, bị hại trong vụ án đều không có ý kiến gì đối với kết luận giám định ở trên.

Bản cáo trạng số 61/CT - VSK ngày 22/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Đã truy tố Ngô Văn Q ra tr- ớc Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, để xét xử về tội “ Cố ý gây thương tích” theo Khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999.

Với nội dung trên bản án hình sự sơ thẩm số 67/2018/HS-ST ngày 10/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện H đã xét xử và quyết định:

Tuyên bố bị cáo Ngô Văn Q phạm tội “Cố ý gây thương tích”:

Áp dụng Khoản 1 Điều 104; Điểm b, p Khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo Ngô Văn Q 06 (Sáu) tháng tù, về tội “Cố ý gây thương tích”; Thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, phần án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử xong, ngày 20/9/2018 bị cáo Ngô Văn Q làm đơn kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay bị cáo Ngô Văn Q vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 06 tháng tù là quá nghiêm khắc, bị cáo phạm tội là do lỗi của vợ chồng bà V người bị hại đánh bị cáo trước. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường 3.400.000đ cho bà V. Hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ thường xuyên đau ốm, các con đều làm ăn ở xa, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xho bị cáo được hưởng án treo. Bị cáo cho rằng năm 1990 bị cáo không bị xét xử về tội “lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân”, do bị cáo họ Ngô không phải họ Ngọ Văn Q như bản án năm 1990.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên toà phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: □n sơ thẩm xử Ngô Văn Q về tội “Cố ý gây thương tích” là có căn cứ, đúng ng- ời, đúng tội, không có lý do chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo Q không đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát.

Viện kiểm sát đối đáp với ý kiến của bị cáo: do khi xét xử vào năm 1990 đã xác định nhầm họ và năm sinh của bị cáo Q. Nhưng căn cứ vào tài liệu thu thập được trong hồ sơ vụ án đã đủ căn cứ xác định bị cáo Ngô Văn Q và Ngọ Văn Q là một người, lý lịch của gia đình bị cáo hiện nay giống lý lịch gia đình của bị cáo trong bản án năm 1990. Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Lời nói sau cùng của bị cáo Ngô Văn Q: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Ngô Văn Q đã nộp theo đúng các quy định của pháp luật nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp cần được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Ngô Văn Q, qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như quá trình xét hỏi tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm thấy đủ cơ sở xác định:

Khoảng 09 giờ ngày 21/7/2017, do có mâu thuẫn từ trước trong việc làm ăn giữa bà Đặng Thị V và bị cáo Ngô Văn Q. Bà V đã đánh bị cáo, giữa bị cáo và chồng bà V có thỏa thuận bồi thường, nhưng bà V không xin lỗi và bồi thường cho bị cáo Q, nên bị cáo vẫn bức tức, vì vậy trên đường đi ăn cỗ ở xã Hoàng Vân, huyện H. Khi gặp bà V điều khiển xe mô tô từ chợ N về nhà ở xã Đ, bà V có đèo bà Hà Thị H ngồi sau. Khi bà V và bà H về đến khu vực nhà máy gạch ở giữa đồng thuộc thôn G, theo đường đi từ thị trấn Thắng về Phố Lữ, xã Đ, bị cáo Q đã yêu cầu bà V đỗ lại, do bà V không đỗ lại, bị cáo đã điều khiển xe mô tô vượt lên trước xe mô tô của bà V và chắn ngang xe mô tô của bà V, để buộc bà V phải xuống xe. Bị cáo đã sử dụng dây cao su dài khoảng 01 mét, hình chữ nhật có kích thước (1,5 x 1,3)cm đánh vào người bà Đặng Thị V, làm bà V ngã ra đường, sau đó bị cáo đã dùng tay túm tóc bà V rồi đâm bà V, cho đến khi bà V ngất thì bị cáo mới dừng lại và lên xe tiếp tục đi ăn cỗ.

Tại kết luận giám định số 7927/17/TgT ngày 07/9/2017 và kết luận giám định số 8204/18/GDPY ngày 03/5/2018 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Bắc Giang kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của bà V là 11%, các thương tích do vật cứng gây nên. Dây xích xe máy; dây cao su mà đối tượng Q giao nộp đều gây được thương tích cho bà V như bệnh án thể hiện.

Hành vi của bị cáo Ngô Văn Q đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại Khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999.

Án sơ thẩm đã căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu mà Cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm, cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Ngô Văn Q về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Ngô Văn Q thấy:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn, khai báo hành vi phạm tội mà mình đã thực hiện. Trong khi chờ xét xử bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 3.400.000đồng, tại biên lai thu tiền số AA/2015/0001636 ngày 05/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bắc Giang để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi mà bị cáo đã

gây cho bị hại. Do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999.

Tình tiết tăng nặng TNHS: Không có;

Về nhân thân: Mặc dù bị cáo không thừa nhận đã bị xét xử về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân” tại bản án số 05 ngày 27 tháng 6 năm 1990. Nhưng qua tài liệu chứng cứ thu thập được và lời thừa nhận của bị cáo là có bị bắt giam 03 tháng vào năm 1989 và năm 1990, nhưng không rõ bị xử thế nào. Do khi xét xử vào năm 1990 đã xác định nhầm họ và năm sinh của bị cáo Q. Nhưng Hội đồng xét xử cũng đủ căn cứ xác định bị cáo Ngô Văn Q và Ngô Văn Q là một người, bị cáo có nhân thân không tốt. Sau khi gây thương tích cho bị hại, bị cáo đã bỏ đi khỏi địa phương, gây khó khăn cho cơ quan điều tra, mặc dù bị cáo chưa bị truy nã. Xét thấy cần thiết buộc bị cáo phải cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian dài, có như vậy mới mong cải tạo giáo dục được đối với bị cáo.

Bản án sơ thẩm sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi của bị cáo, đánh giá toàn bộ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo đã xử phạt bị cáo Ngô Văn Q 06 tháng tù là hoàn toàn tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Ngô Văn Q không đưa ra được căn cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo Q như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Án phí: Do kháng cáo của bị cáo Ngô Văn Q không được chấp nhận nên bị cáo Ngô Văn Q phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

[1] Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ngô Văn Q. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Khoản 1 Điều 104; Điểm b, p Khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo Ngô Văn Q 06 (Sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; Thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án.

[2] Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Bị cáo Ngô Văn Q phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- TA, VKS, CA huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Bị cáo;
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Dung

